

CHÍNH SÁCH HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Lê Thị Thu Hương*

Bài viết phân tích chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - giai đoạn lịch sử mà Đảng và Nhà nước xác định mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045. Trên cơ sở làm rõ tư duy lý luận và những thành tựu hội nhập quốc tế qua các giai đoạn phát triển, bài viết tập trung luận giải những yêu cầu mới, định hướng chiến lược và các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

• Từ khóa: hội nhập quốc tế, kỷ nguyên vươn mình, chính sách đối ngoại, phát triển bền vững, Việt Nam 2045.

This article analyzes Vietnam's international integration policy in the context of the nation's period of progress - a historical phase in which the Party and State have set the goal of making Vietnam a developed, high-income country by 2045. Based on clarifying the theoretical thinking and achievements of international integration through various stages of development, the article focuses on explaining new requirements, strategic orientations, and key solutions to enhance the effectiveness of international integration, meeting the requirements of rapid and sustainable national development.

• Key words: tax policy, macroeconomic stability, growth recovery.

Ngày nhận bài: 06/3/2026

Ngày gửi phân biên: 30/3/2026

Ngày duyệt đăng: 26/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i312.07>

1. Đặt vấn đề

Sau gần 40 năm thực hiện đường lối Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, bị bao vây và cô lập, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, là đối tác tin cậy của cộng đồng quốc tế với quan hệ ngoại giao trải rộng hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tính đến năm 2024, Việt Nam đã ký kết và thực thi 17 hiệp định thương mại tự do (FTA), kim ngạch xuất - nhập khẩu vượt 700 tỷ USD, đứng trong nhóm 20 nền kinh tế có độ mở thương mại lớn nhất thế giới¹. Hội nhập quốc tế đã thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu và nâng cao đời sống của hàng chục triệu người dân Việt Nam.

Tuy nhiên, thế giới đang đứng trước những biến chuyển mang tính bước ngoặt chưa có tiền lệ trong lịch sử hiện đại. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước

lớn - đặc biệt là cạnh tranh Mỹ - Trung - ngày càng gay gắt và toàn diện, bao phủ từ kinh tế, công nghệ đến quân sự và không gian mạng. Trật tự thế giới đơn cực đang dần nhường chỗ cho trật tự đa cực với sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ và các cường quốc mới nổi. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và công nghệ bán dẫn đang tái định hình căn bản cấu trúc của nền kinh tế và chính trị toàn cầu. Biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng trở nên cấp bách và đòi hỏi ứng phó ở cấp độ toàn cầu.

Trước bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đây là “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” - một giai đoạn lịch sử đặc biệt, có ý nghĩa bước ngoặt, đòi hỏi tư duy mới, khát vọng mới và hành động mới trong toàn bộ chính sách đối nội lẫn đối ngoại. Đại hội XIV của Đảng (2026) đã đặt tầm nhìn chiến lược đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Để hiện thực hóa những mục tiêu lịch sử đó, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện và hiệu quả không chỉ là lựa chọn chiến lược mà còn là yêu cầu tất yếu khách quan, không thể đảo ngược. Nghiên cứu, luận giải rõ chính sách hội nhập quốc tế trong giai đoạn phát triển mới này vì vậy mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết. Trên cơ sở kế thừa và phát triển tư duy hội nhập qua gần bốn thập kỷ Đổi mới, bài viết tập trung làm rõ những yêu cầu mới, định hướng chiến lược và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, xứng tầm với khát vọng vươn mình của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

2. Tư duy và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, hội nhập quốc tế là kết quả tất yếu của quá trình quốc tế hóa sản xuất - biểu hiện của xu thế phát triển khách quan của lực lượng sản xuất, của phân công lao động và trao đổi quốc tế ngày càng sâu rộng. C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận định từ giữa thế kỷ XIX rằng

¹ Bộ Công thương (2024), Tổng hợp các FTA của Việt Nam, Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; email: lethithuhuong@dhsphue.edu.vn

sự phát triển của đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới, buộc các quốc gia phải giao lưu và phụ thuộc lẫn nhau. V.I.Lênin, khi phân tích giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, đã chỉ ra quy luật về sự phát triển không đều và sự cần thiết của các nước nhỏ trong việc tận dụng mâu thuẫn giữa các đế quốc để phát triển và bảo vệ lợi ích dân tộc. Tiếp thu và vận dụng sáng tạo lý luận đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xây dựng đường lối hội nhập quốc tế vừa phù hợp với thực tiễn đất nước vừa đáp ứng yêu cầu của thời đại. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế khẳng định: “Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.”

Tư duy hội nhập của Đảng đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển liên tục, kế thừa và nâng cao. Tại Đại hội VI (1986), Đảng chủ trương mở cửa kinh tế, thiết lập quan hệ kinh tế với các nước không phân biệt chế độ chính trị - đây là bước ngoặt tư duy mang tính cách mạng, phá vỡ tư duy đóng cửa và đặt nền móng cho toàn bộ tiến trình hội nhập sau này. Đại hội VII (1991) với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã hình thành tư tưởng đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại - một đột phá tư duy quan trọng trong bối cảnh Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

Giai đoạn 1991-2000, Việt Nam thực hiện hàng loạt bước đột phá lịch sử: bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991), bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (1995), gia nhập ASEAN (7/1995) - cột mốc hội nhập khu vực quan trọng nhất, tham gia APEC (1998) và ký Hiệp định khung với Liên minh châu Âu. Những bước đi này đã đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập để hòa nhập vào cộng đồng khu vực và quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Giai đoạn 2001-2010 đánh dấu hội nhập kinh tế quốc tế đi vào chiều sâu thực chất: ký kết Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA, 2001), gia nhập WTO (01/2007) - cột mốc tượng trưng cho sự hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu. Giai đoạn 2011-2020 tiếp tục với làn sóng FTA thế hệ mới: CPTPP (2018), EVFTA (2019), RCEP (2022), UKVFTA (2021) - những hiệp định đặt ra các chuẩn mực cao về lao động, môi trường, sở hữu trí tuệ và mua sắm chính phủ, buộc Việt Nam phải cải cách thể chế sâu rộng. Từ Đại hội XI (2011), Đảng nâng tầm tư duy từ “hội nhập kinh tế quốc tế” lên “hội nhập quốc tế” toàn diện trên mọi lĩnh vực, thể hiện nhận thức mới về tính tổng thể và chiến lược của hội nhập.

Bước vào giai đoạn từ năm 2021 đến nay, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và phát triển đường lối hội nhập quốc tế: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác

và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi.”² Đặc biệt, năm 2023 đánh dấu bước tiến ngoại giao lịch sử khi Việt Nam nâng cấp quan hệ với Hoa Kỳ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện, hoàn thiện mạng lưới đối tác chiến lược với tất cả các nước lớn trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Đây là minh chứng sinh động cho đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và đa phương hóa của Đảng và Nhà nước.

3. Kỷ nguyên vươn mình và những yêu cầu mới đối với chính sách hội nhập quốc tế

Khái niệm “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” được Tổng Bí thư Tô Lâm đề cập và nhấn mạnh trong nhiều bài viết, bài phát biểu quan trọng sau Đại hội XIV của Đảng, thể hiện khát vọng cháy bỏng của toàn Đảng, toàn dân về một Việt Nam cường thịnh, văn minh và hạnh phúc. Đây không chỉ là khẩu hiệu chính trị mà là định hướng chiến lược có nền tảng lý luận và thực tiễn vững chắc, được xây dựng trên cơ sở phân tích khoa học về thời cơ, thách thức và tiềm năng phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Nội hàm của kỷ nguyên vươn mình bao hàm nhiều chiều cạnh sâu sắc. Về kinh tế, đó là quyết tâm đưa Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình mà nhiều quốc gia trong khu vực đã sa vào. Về khoa học - công nghệ, đó là việc nắm bắt, làm chủ và ứng dụng hiệu quả thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW. Về vị thế quốc tế, đó là nâng cao uy tín, vai trò và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế, có tiếng nói xứng tầm trong việc định hình các chuẩn mực và trật tự quốc tế. Về thể chế, đó là xây dựng hệ thống quản trị nhà nước hiện đại, minh bạch, hiệu quả và ngang tầm với các quốc gia phát triển trong khu vực.

Bối cảnh quốc tế hiện nay vừa tạo ra những cơ hội chưa từng có, vừa đặt ra những thách thức vô cùng phức tạp cho chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tác động đến toàn bộ cấu trúc địa - chính trị khu vực, đặt Việt Nam - nước có vị trí địa chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á - trước áp lực phải định vị mình trong trật tự đang tái cấu trúc. Xu thế “decoupling” (tách rời) và “de-risking” (giảm rủi ro) trong quan hệ kinh tế Mỹ - Trung tạo ra cơ hội cho Việt Nam thu hút làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu về năng lực hấp thụ, về cơ sở hạ tầng và về nguồn nhân lực chất lượng cao. Tại

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr.161-162, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Biên Đông, tranh chấp lãnh thổ và lãnh hải tiếp tục là nhân tố phức tạp trong quan hệ với Trung Quốc và trong chính sách an ninh - đối ngoại của Việt Nam.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tái định hình không gian kinh tế và chính trị toàn cầu theo những chiều hướng khó lường. Kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn đang trở thành những mô hình phát triển tất yếu, đòi hỏi Việt Nam phải điều chỉnh căn bản chiến lược hội nhập. Đồng thời, các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu - mà Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất tại đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven biển - an ninh lương thực, an ninh năng lượng và an ninh mạng ngày càng trở thành những thách thức mang tính sống còn, đòi hỏi hợp tác đa phương và quản trị toàn cầu hiệu quả hơn.

Từ những biến chuyển đó, chính sách hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình phải đáp ứng bốn yêu cầu cơ bản có tính nguyên tắc. Thứ nhất, hội nhập phải phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, tránh hội nhập bị động và phụ thuộc, gắn liền với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng vững mạnh. Thứ hai, hội nhập phải tuyệt đối giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ - không đánh đổi lợi ích quốc gia - dân tộc lấy lợi ích kinh tế trước mắt. Thứ ba, hội nhập phải đi đôi với hoàn thiện đồng bộ thể chế trong nước hiện đại, bởi thể chế là điều kiện tiên quyết để các cam kết hội nhập được thực thi hiệu quả và thực sự mang lại lợi ích cho đất nước và người dân. Thứ tư, hội nhập phải đảm bảo bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện đúng tinh thần “hòa nhập nhưng không hòa tan”, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên nền tảng vững chắc của bản sắc Việt Nam.

4. Định hướng chiến lược và giải pháp chủ yếu

Về hội nhập kinh tế quốc tế, cần tiếp tục thực thi đầy đủ và hiệu quả các FTA đã ký kết, đặc biệt là các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP, UKVFTA) vốn là nền tảng pháp lý để mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút FDI chất lượng cao và tiếp cận tri thức - công nghệ tiên tiến. Thực tế cho thấy, dù đã ký kết nhiều FTA nhưng tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan của doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn thấp do hạn chế về năng lực và thông tin. Do đó, một trong những giải pháp cấp bách là nâng cao năng lực của doanh nghiệp - đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ - trong khai thác các ưu đãi FTA thông qua đào tạo, tư vấn và hỗ trợ thông tin thị trường.

Song song với việc thực thi hiệu quả các FTA hiện có, cần chủ động đàm phán mở rộng mạng lưới FTA với các đối tác tiềm năng ở Trung Đông, châu Phi và Nam Mỹ, hướng đến đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một số thị trường lớn. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh rủi ro địa chính trị

có thể làm gián đoạn các chuỗi cung ứng hiện hữu. Đặc biệt, cần đẩy mạnh chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ phụ thuộc vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên sang công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn phải trở thành ưu tiên chiến lược hàng đầu trong hội nhập kinh tế giai đoạn tới, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế toàn cầu sau 2030.

Thu hút FDI cần có sự chuyển biến về chất, từ tư duy “thu hút bằng mọi giá” sang “thu hút có chọn lọc và có định hướng chiến lược”. Ưu tiên hàng đầu là các dự án sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có tác động lan tỏa tích cực đến doanh nghiệp và lao động trong nước, có khả năng tạo ra các mối liên kết với nền kinh tế nội địa. Đây là bước chuyển chiến lược nhằm đảm bảo FDI thực sự phục vụ cho mục tiêu phát triển dài hạn của Việt Nam, không chỉ tạo ra giá trị gia công cho các tập đoàn nước ngoài.

Về hội nhập chính trị và an ninh, cần kiên trì và nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ, là bạn tốt, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Phương châm “bốn không” trong chính sách quốc phòng - không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước khác, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế - tiếp tục là nguyên tắc bất biến trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng. Mạng lưới ngày càng dày đặc các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện với các nước lớn và các đối tác quan trọng cần tiếp tục được làm sâu sắc thêm về nội hàm và thực chất trong hợp tác, không chỉ dừng lại ở khuôn khổ pháp lý.

Việt Nam cần phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò là quốc gia có tiếng nói đáng tin cậy và xây dựng tại các diễn đàn đa phương khu vực và toàn cầu - Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, WTO. Trong khuôn khổ ASEAN, Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò tích cực trong duy trì đoàn kết và trung tâm của ASEAN, thúc đẩy xây dựng Cộng đồng ASEAN và đóng góp vào các sáng kiến khu vực về kinh tế số, phát triển bền vững và an ninh phi truyền thống. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc - lĩnh vực mà Việt Nam đã khẳng định được uy tín và năng lực qua các nhiệm vụ tại Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi và các địa bàn khác.

Về hội nhập khoa học - công nghệ và giáo dục, đây phải được xác định là trọng tâm chiến lược của hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số và tri thức. Triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết 57-NQ/TW đòi

hội tăng cường kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu thông qua phát triển các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và các cơ chế hợp tác nghiên cứu - phát triển với các đối tác hàng đầu thế giới. Chính sách thu hút nhân tài người Việt Nam ở nước ngoài cần được triển khai mạnh mẽ và thực chất hơn, với những đãi ngộ cạnh tranh và môi trường làm việc thuận lợi. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - với khoảng 6 triệu người, trong đó có nhiều chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học và doanh nhân thành đạt tại Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia - là nguồn lực tri thức và vốn xã hội quý báu cần được huy động hiệu quả hơn.

Hội nhập giáo dục cần hướng đến mục tiêu xa hơn là đơn thuần cử học sinh đi học nước ngoài, mà phải xây dựng các cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc tế ngay trong nước. Các trường đại học trọng điểm, đặc biệt là hai Đại học Quốc gia, phải phấn đấu vào nhóm 100-200 trường đại học hàng đầu châu Á, trở thành các trung tâm nghiên cứu và đào tạo có tầm cỡ khu vực. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với kỹ năng số, tư duy sáng tạo, ngoại ngữ và năng lực hội nhập quốc tế là nhiệm vụ chiến lược để Việt Nam không bỏ lỡ làn sóng công nghệ mới.

Về các giải pháp nền tảng mang tính quyết định, trước hết cần hoàn thiện đồng bộ thể chế và pháp luật theo hướng hiện đại, minh bạch và tương thích với các chuẩn mực quốc tế. Thực tế cho thấy nhiều cam kết hội nhập chưa được thực thi đầy đủ và hiệu quả do hạn chế về thể chế, pháp luật và năng lực thực thi của bộ máy nhà nước. Cải cách hành chính, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và xây dựng Chính phủ điện tử không chỉ là yêu cầu nội tại mà còn là điều kiện để thực thi hiệu quả các cam kết trong các FTA thế hệ mới. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia thông qua đầu tư vào kết cấu hạ tầng chiến lược - hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng tái tạo - là nền tảng vật chất không thể thiếu cho hội nhập và phát triển trong kỷ nguyên mới. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong nước, hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh có khả năng cạnh tranh quốc tế, là yêu cầu cấp thiết để Việt Nam có "lực lượng tiên phong" trong hội nhập kinh tế quốc tế thay vì chỉ dựa vào khu vực FDI nước ngoài.

Cuối cùng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với toàn bộ tiến trình hội nhập là điều kiện tiên quyết đảm bảo hội nhập đúng hướng và hiệu quả. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Cần tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đất nước hội nhập sâu rộng, đặc biệt trong việc xử lý các tình huống phức tạp, nhạy cảm liên quan đến chủ quyền quốc gia, an ninh kinh tế và cạnh tranh chiến

lược. Đồng thời, phát huy tốt hơn vai trò của ngoại giao nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hiệp hội doanh nghiệp trong việc tham gia và thúc đẩy hội nhập quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Kết luận

Hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam là yêu cầu tất yếu khách quan và là một trong những động lực quan trọng nhất để hiện thực hóa khát vọng phát triển của đất nước. Đây không đơn thuần là tham gia vào các tổ chức và thể chế quốc tế theo nghĩa hình thức, mà là quá trình chủ động và chiến lược định vị Việt Nam trong cấu trúc kinh tế - chính trị toàn cầu đang tái định hình, khai thác tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững, đồng thời đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định và phát triển chung của khu vực và thế giới.

Thực tiễn gần 40 năm Đổi mới đã chứng minh một cách thuyết phục rằng đường lối hội nhập quốc tế của Đảng là đúng đắn, sáng tạo và phù hợp với xu thế của thời đại. Từ một nước bị bao vây, cô lập, Việt Nam đã vươn lên trở thành đối tác được tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Đây là thành tựu to lớn, là nền tảng vững chắc để Việt Nam tự tin bước vào kỷ nguyên vươn mình với tầm nhìn xa hơn, khát vọng lớn hơn và hành động mạnh mẽ hơn.

Bước vào kỷ nguyên mới, chính sách hội nhập quốc tế cần tiếp tục được đổi mới và nâng tầm, vừa kế thừa những thành tựu và bài học kinh nghiệm quý báu đã tích lũy, vừa mạnh dạn đổi mới tư duy và phương thức để thích ứng với những biến đổi sâu sắc, phức tạp của môi trường quốc tế. Hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên vươn mình phải là hội nhập của sức mạnh, của trí tuệ và bản lĩnh dân tộc - một dân tộc đã trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, đã vượt qua bao thử thách gian nan để đứng vững và phát triển. Với khát vọng, ý chí và trí tuệ của mình, với sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, dân tộc Việt Nam hoàn toàn có đủ bản lĩnh và năng lực để hội nhập quốc tế thành công, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc và văn minh, xứng đáng với kỳ vọng của lịch sử và của các thế hệ con cháu mai sau.

Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2013), Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.
- Tô Lâm (2024), "Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam", Tạp chí Cộng sản, số 1062.
- Phạm Bình Minh (2019), Đường lối chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên) (2022), Nhân diện nguy cơ và thách thức đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- WTO (2023), World Trade Statistical Review 2023, World Trade Organization, Geneva.